TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2018
V/v "Ly hôn, T/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2018/QĐ-ST ngày 18/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Thành T, sinh năm 1987

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang.

Nguyên đơn anh T có mặt. Bị đơn chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại phiên tòa anh Trương Thành T trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị Cẩm N chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Đến đầu năm 2018 do gia đình khó khăn về kinh tế nên anh qua Phú Quốc làm thuê kiếm

tiền lo cho gia đình, trong thời gian anh đi làm thì chị N có tình cảm với người khác rồi bỏ nhà đi gần năm tháng nay không về. Anh có gọi điện nhưng điện thoại của chị N không liên lạc được. Nhận thấy tình cảm với vợ không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Thành T xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thành Q sinh ngày 11/9/2011 và Trương Thị Kim Th sinh ngày 31/12/2013 hiện nay đang sống với anh Tr. Sau ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trương Thành T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị N nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay chị N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Anh Trương Thành T và chị Nguyễn Thị Cẩm N chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01/2012 ngày 22/8/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu của anh Trương Thành T, thấy: Vợ chồng anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Cẩm N đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho

đến nay. Anh T trình bày rằng do kinh tế khó khăn nên anh phải đi làm thuê để kiếm tiền lo cho gia đình, tuy nhiên từ khi anh đi làm chị N ở nhà đã có tình cảm với người khác và đã rời khỏi nhà đi khoảng hơn gần năm tháng nay không có liên lạc được. Kể từ khi chị N đi thì anh T với chị N không gặp mặt nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng chị N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh T để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Thành T.

[5] Về quan hệ con chung, thấy: Từ khi chị N rời nhà đi cho đến nay cháu Trương Thành Q và Trương Thị Kim T được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với anh T sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trương Thành Q và Trương Thị Kim T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem.

[6] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thành T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Thành T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về quan hệ con chung: Anh Trương Thành T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Thành Q sinh ngày 11/9/2011 và Trương Thị Kim T sinh ngày 31/12/2013.

Anh T phải tạo điều kiện cho chị N được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận không có nợ chung. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Trương Thành T và chị Nguyễn Thị Cẩm N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Anh Trương Thành T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001111 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Anh Trương Thành T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Cẩm N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Đ nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm